

Phúc Trìu, ngày 10 tháng 10 năm 2022

CÔNG KHAI THUYẾT MINH
Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách
xã Phúc Trìu 9 tháng năm 2022

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 30/12/2021 của HĐND xã Phúc Trìu về việc thông qua dự toán thu - chi ngân sách xã Phúc Trìu năm 2022.

UBND xã thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 9 tháng năm 2022 như sau:

1. Thu ngân sách 9 tháng năm 2022:

- Các khoản thu hưởng điều tiết tính đến hết 9 tháng tổng thu đạt 3.968,4 triệu đồng/3.984,2 triệu đồng = 99,6% dự toán. Trong đó, một số khoản thu đạt tỷ lệ cao như Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh đạt 105%, lệ phí trước bạ nhà đất đạt 580% dự toán, thuế TNCN từ đất đạt 191%, thuế sử dụng đất PNN đạt 149%

2. Chi ngân sách 9 tháng năm 2022:

Tổng chi thường xuyên ngân tính đến hết 9 tháng chi ngân sách đạt 3.243,2 triệu đồng/4.506 triệu đồng = 71,9% dự toán.

Chi đầu tư xây dựng cơ bản đạt 566,814 triệu

3. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân 9 tháng năm 2022:

Có được kết quả thu - chi ngân sách trên là do ngay từ đầu năm 2022 UBND xã đã xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách năm 2022 theo đúng thời gian quy định, đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ ngay từ đầu năm. Hàng tháng họp đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của tháng, của quý và đề ra phương hướng, giải pháp để thực hiện nhiệm tiếp theo của năm.

Đảng ủy, HĐND - UBND cùng các ban ngành đoàn thể tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tiết kiệm chi tiêu, chống thất thu ngân sách, thực hiện cải cách hành chính đã tạo điều kiện thực hiện tốt dự toán ngân sách được giao.



Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong 9 tháng năm 2022 công tác tài chính - ngân sách của xã Phúc Trìu gặp phải một số khó khăn như: Nhận thức của người dân về việc tự kê khai và kê khai nghĩa vụ nộp thuế trong hoạt động sản xuất kinh doanh chưa cao như thuế sử dụng đất phi NN ...

Trong 9 tháng năm 2022, UBND xã thực hiện các khoản chi thường xuyên bám sát so với dự toán đầu năm, thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản chi theo chế độ chính sách của nhà nước, bổ sung kịp thời các khoản bổ sung có mục tiêu để chi trả cho các nhiệm vụ đảm bảo không bị nợ đọng. Nói chung, trong 9 tháng năm 2022 đảm bảo các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương.

KẾ TOÁN



Hoàng Thị Thúy Hằng

CHỦ TỊCH UBND



Lê Khương Duy



Số: *2* /QĐ-UBND

Phúc Trìu, ngày *10* tháng *10* năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công khai số liệu thu chi ngân sách
xã Phúc Trìu 9 tháng năm 2022**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC TRÌU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của công chức kế toán – tài chính xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu thu chi ngân sách xã Phúc Trìu 9 tháng năm 2022 với nội dung cụ thể như sau:

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND - UBND, các ban ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT HĐND-UBND TP;
- Phòng TCKH TP;
- TT ĐU, HĐND P;
- Các ban ngành, đoàn thể xã;
- Như điều 3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Khương Duy



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (6 THÁNG, NĂM)

Từ tháng 1 đến tháng 9 Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	Tổng số thu	7.796.077.708	10.622.392.059	73,39
1.	Các khoản thu 100%	121.000.000	1.172.085.000	5,27
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.363.200.000	3.888.429.351	40,69
3.	Thu chuyển nguồn	3.157.920.708	3.157.920.708	100
4.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.153.957.000	2.403.957.000	165,4
	- Bổ sung cân đối ngân sách	3.113.957.000	2.363.957.000	385,04
	- Bổ sung có mục tiêu	40.000.000	40.000.000	4,76
II.	Tổng số chi	5.073.590.796	3.810.058.285	75
1.	Chi đầu tư phát triển	566.814.747	566.814.747	100
2.	Chi thường xuyên	4.506.776.049	3.243.243.538	72
3.	Dự phòng			



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị: Đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
	TỔNG THU	7.925.766.597	7.796.077.708	10.821.544.196	10.622.392.059	137	136
I	Các khoản thu 100%	121.000.000	121.000.000	1.172.085.000	1.172.085.000	969	969
	Thuế xây dựng	-					
	Phí, lệ phí	50.000.000	50.000.000	48.092.000	48.092.000	96	96
	phí môn bài	11.000.000	11.000.000	11.550.000	11.550.000	105	105
	Thu khác	60.000.000	60.000.000	20.382.000	20.382.000	34	34
	Thu đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân	520.279.000	520.279.000	1.092.061.000	1.092.061.000	210	210
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.492.888.889	1.363.200.000	4.087.581.488	3.888.429.351	274	285
1	Các khoản thu phân chia						
	Thuế thu nhập cá nhân (đất)	900.000.000	810.000.000	1.719.680.663	1.547.712.602	191	191
	Thuế thu nhập cá nhân (hộ)	24.000.000		12.473.230		52	
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	150.000.000	150.000.000	224.199.852	224.199.852	149	149
	Lệ phí trước bạ nhà đất	360.000.000	360.000.000	2.087.762.873	2.087.762.873	580	580
	Thuế giá trị gia tăng	48.000.000	43.200.000	31.948.910	28.754.024	67	67
	Tiền nộp chậm thuế			627.071			
	Tiền thuê đất	10.888.889	-	10.888.889		100	
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	3.157.920.708	3.157.920.708	3.157.920.708	3.157.920.708	100	100
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.153.957.000	3.153.957.000	2.403.957.000	2.403.957.000	76	76
	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.113.957.000	3.113.957.000	2.363.957.000	2.363.957.000	76	76
	Thu bổ sung có mục tiêu	40.000.000	40.000.000	40.000.000	40.000.000	100	100


 ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị: Đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8	9
	TỔNG CHI	5.073.590.796	566.814.747	4.506.776.049	3.810.058.285	566.814.747	3.243.243.538	75	100	72
	Trong đó:									
I	Chi đầu tư phát triển	566.814.747	566.814.747		566.814.747	566.814.747		100	100	
1	Chi đầu tư XD CB	566.814.747	566.814.747		566.814.747	566.814.747		100	100	
2	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản									
II	Chi thường xuyên	4.506.776.049		4.506.776.049	3.243.243.538		3.243.243.538	72		72
1	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	641.685.000		641.685.000	497.629.837		497.629.837	78		78
	Chi dân quân tự vệ	397.125.000		397.125.000	325.953.401		325.953.401	82		82
	Chi an ninh quốc phòng	244.560.000		244.560.000	171.676.436		171.676.436	70		70
2	Chi hoạt động văn hóa thông tin - thể thao	130.000.000		130.000.000	56.149.338		56.149.338	43		43
	Hoạt động văn hóa thông tin	105.000.000		105.000.000	51.269.534		51.269.534	49		49
	Hoạt động thể dục thể thao	25.000.000		25.000.000	4.879.804		4.879.804	20		20
3	Chi sự nghiệp xã hội	209.328.049		209.328.000	105.829.770		105.829.770	51		51
	Hưu xã, thôi việc và trợ cấp khác	58.144.000		58.144.000	36.081.000		36.081.000	62		62
	Giá trẻ cô đơn và trợ cấp khác	49		49	-			0		
	Hoạt động chính sách người	151.184.000		151.184.000	69.748.770		69.748.770	46		46
4	Chi quản lý nhà nước, Đảng	3.525.763.000		3.525.763.000	2.583.634.593		2.583.634.593	73		73
	Quản lý nhà nước	2.112.448.000		2.112.448.000	1.493.965.867		1.493.965.867	71		71
	Đảng cộng sản Việt Nam	598.028.000		598.028.000	435.892.697		435.892.697	73		73
	Mặt trận tổ quốc Việt Nam	247.966.000		247.966.000	192.195.898		192.195.898	78		78
	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	160.767.000		160.767.000	139.880.432		139.880.432	87		87
	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	126.630.000		126.630.000	99.418.906		99.418.906	79		79
	Hội Nông dân Việt Nam	102.736.000		102.736.000	78.103.844		78.103.844	76		76
	Hội Cựu chiến binh Việt Nam	86.000.000		86.000.000	73.506.249		73.506.249	85		85
	Hội Chữ thập đỏ, Hội Người cao tuổi, Hội đặc thù	91.188.000		91.188.000	70.670.700		70.670.700	78		78
II	Chi dự phòng	91.381.000		91.381.000						